

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 3 - 2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Tiến Thành

Ông Nguyễn Đức Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 1127/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn R, địa chỉ: Thôn T, xã Vĩ, thành phố N, tỉnh K. Có mặt.

Bị đơn: Bà Trương Thị Mộng D, địa chỉ: Tổ N, phường H, thành phố N, tỉnh K; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn R trình bày:*

Ông Trần Văn R và bà Trương Thị Mộng D kết hôn năm 1987 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông bà không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên từ năm 1995 đến nay ông bà đã sống ly thân. Hiện nay, bà D đã sống chung như vợ chồng với người khác và có con riêng. Nay, ông yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông R và bà D có hai con chung tên Trần Đức M sinh năm 1987 và Trần Thị Minh H sinh năm 1988. Các con đã trưởng thành, sức khỏe tốt và có công việc ổn định nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn, bà Trương Thị Mộng D vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai cũng như không tiến hành hòa giải được.*

** Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định:* Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nhưng Tòa án đã niêm yết hợp lệ, nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đã ly thân với nhau từ năm 1995 đến nay, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Con chung đã trưởng thành, tài sản chung không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Trương Thị Mộng D vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần Văn R và bà Trương Thị Mộng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 05/01/1987. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông R trình bày quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên ông và bà D thường xuyên mâu thuẫn khiến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vì vậy, ông và bà D đã sống ly thân từ năm 1995, hiện nay bà D đã chung sống với người đàn ông khác và có hai con riêng. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông R vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và khẳng định không còn tình cảm gì đối với bà D vì hai người đã sống ly thân từ năm 1995 đến nay, bà D đã có cuộc sống gia đình riêng. Xét thấy, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc ông R xin ly hôn với bà D là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Ông R xác định ông và bà D có hai con chung là Trần Đức M sinh năm 1987 và Trần Thị Minh H sinh năm 1988. Ông R trình bày các con chung đã trưởng thành, sức khỏe và công việc ổn định, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Ông Trần Văn R phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn R.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Văn R được ly hôn bà Trương Thị Mộng D .

2. *Về án phí*: Ông Trần Văn R phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007585 ngày 17/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Ông R đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THA dân sự TP.Nha Trang;
- UBND xã Vĩnh Phương
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Văn Tuấn